

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-ST

Ngày: 15-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2/ Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/HSST-QĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thanh T, sinh năm 1981, tại Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bị cáo có cha tên ông Trần Văn H, sinh năm 1962 (đã chết), bị cáo không biết tên mẹ; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị C, sinh năm 1988; bị cáo có 01 con sinh năm 2007; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 24/6/2021 cho đến nay; bị cáo có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Ấp Q, xã R, huyện O, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Phương D1, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: 21/4G quốc lộ 22, ấp L, xã K, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: 562/39H đường NK, phường E, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số 72, đường PNL, khu phố Q1, phường N, thành phố U, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm: 1976; hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã O, huyện X, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Huỳnh Tuấn K1, sinh năm: 1974; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã S, huyện X, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980. Có mặt.

+ Ông Mai Hữu T1, sinh năm 1993. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh năm: 1976. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1989. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Thanh T và đối tượng tên Nguyễn Thị Phúc N2 (chưa rõ nhân thân lai lịch) sống chung với nhau như vợ chồng, cả hai không có việc làm ổn định và thường làm môi giới cho người mua bán đất, cây cao su để hưởng tiền hoa hồng. Trong thời gian làm môi giới, bị cáo T biết một số vườn cây cao su trên địa bàn huyện O có chủ sở hữu ở xa nên bị cáo T và đối tượng N2 nảy sinh ý định tự nhận mình là chủ của các vườn cây cao su đó và bán cây cao su cho người khác nhằm chiếm đoạt tiền để tiêu xài cá nhân. Trong tháng 5 và tháng 6 năm 2021, bị cáo T và đối tượng N2 đã thực hiện 02 vụ dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền, cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng tháng 4/2021, bị cáo T biết tại xã L1, huyện O, tỉnh Bình Dương có một vườn cây cao su của bà Nguyễn Thị B1 có khoảng 550 cây, độ tuổi khoảng 17 đến 18 năm, chủ ở xa nên bị cáo T tự nhận mình là chủ của vườn cây cao su đó để bán cho người khác nhằm chiếm đoạt tiền. Thông qua những người mua bán cây, bị cáo T gặp và dẫn ông Nguyễn Phương D1 đến vườn cây cao su trên nhưng chưa thỏa thuận được giá bán. Đến ngày 29/5/2021, bị cáo T nhận được điện thoại của ông Nguyễn Phương D1 hỏi mua số cây cao su trên. Sau khi thỏa thuận, bị cáo T và đối tượng N2 hẹn ông D1 đến quán cà phê của bà Phạm Thị K2, tại ấp I, xã R, huyện O, tỉnh Bình Dương để làm hợp đồng đặt cọc. Tại đây, đối tượng N2 nói mình tên Nguyễn Thị A1, có hộ khẩu thường trú tại ấp R1, xã R2, huyện R3, tỉnh An Giang và là vợ của bị cáo T và thỏa thuận trong hợp đồng “bán khoảng 550 cây cao su có địa chỉ lô cây tại ấp M1, M2, L1,

X với giá 230.000.000 đồng”. Do tin tưởng, nhà ở xa, không hiểu rõ địa bàn và không tìm hiểu kỹ chủ vườn cây cao su là ai nên ông D1 đã đưa tiền đặt cọc cho bị cáo T và đối tượng N2. Bị cáo T và đối tượng N2 đã nhận số tiền do ông D1 đặt cọc là 50.000.000 đồng. Còn lại số tiền 180.000.000 đồng, từ ngày 29/5/2021 đến ngày 29/7/2021 khi nào ông D1 cắt cây sẽ trả hết cho bị cáo T và đối tượng N2. Trong bản hợp đồng có sự chứng kiến ông Nguyễn Văn Đ. Đến ngày 24/6/2021, ông D1 biết vườn cây cao su trên không phải của bị cáo T nên đến Công an xã L1, huyện O trình báo.

Vụ 2: Ngày 14/6/2021, bị cáo T đi cùng đối tượng N2 đến ấp X1, xã X2, huyện O, tỉnh Bình Dương thì biết có 01 lô cao su tại đây có khoảng 400 cây, có tuổi thọ khoảng 10 năm, chủ ở xa nên bị cáo T nảy sinh ý định nhận mình là chủ sở hữu để bán cây cho người khác. Khi bị cáo T và đối tượng N2 đang đi trên đường thì gặp ông Mai Hữu T1 đang điều khiển xe máy cày, bị cáo T chặn xe ông T1 và nói với ông T1 là mình có 01 vườn cây cao su thanh lý thì được ông T1 cho số điện thoại của ông Nguyễn Hữu S là người mua cây. Sau khi dùng điện thoại liên lạc với ông S, bị cáo T và đối tượng N2 dẫn ông S đến vị trí của vườn cây cao su. Bị cáo T thỏa thuận bán cho ông S số cây cao su trên cho với giá tiền là 90.000.000 đồng và hẹn đến sáng ngày 16/6/2021, ông S đến cửa cây sẽ nhận tiền. Như đã hẹn, sáng ngày 16/6/2021, ông S đến vườn cao su nêu trên để cửa cây và đưa cho bị cáo T và đối tượng N2 số tiền 90.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị cáo T chở N2 bỏ đi. Trong lúc ông S thuê người đến cửa được 75 cây thì bị chủ vườn cây cao su là bà Nguyễn Thị Thúy P phát hiện ngăn cản.

Đến ngày 24/6/2021, cũng bằng thủ đoạn như trên, bị cáo Trần Thanh T tiếp tục nhận mình là chủ của các lô cao su không có người trông coi để thỏa thuận bán cây cao su cho ông Nguyễn Văn T2 thì bị ông T2 nghi ngờ do ông T2 được cảnh báo về hành vi thủ đoạn của bị cáo từ trước nên ông T2 đã báo cho Công an xã L1, huyện O bắt giữ bị cáo T. Tại cơ quan điều tra, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi như trên.

Cơ quan Cảnh sát Công an huyện Dầu Tiếng đã bắt giữ bị cáo T, đồng thời tạm giữ các vật chứng chứng gồm:

- Xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: VISION, màu sơn: Trắng – Đen, biển số: 61K1-214.57, số máy: JF86E2018961, số khung: 5837JY018920;
- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 61K1-214.57;
- Điện thoại NOKIA, màu đen, số Imei: 352115450100037.

Tại Cáo trạng số 107/CT-VKS.HS ngày 25/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 03 - 04 năm tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: VISION, màu sơn: Trắng – Đen, biển số: 61K1-214.57 do Huỳnh Tuấn K1 đứng tên đăng ký xe và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 61K1-214.57 mang tên Huỳnh Tuấn K1 do Công an huyện X cấp ngày 08/7/2020. Quá trình điều tra xác định ông K1 đã bán xe mô tô trên cho bị cáo T với giá 25.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo T sử dụng tiền do phạm tội mà có để mua xe mô tô trên và để đảm bảo cho việc thi hành án. Vì vậy, đề nghị tịch thu xe mô tô và kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với điện thoại NOKIA, màu đen. Xét, đây là phương tiện được bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với bị hại Nguyễn Phương D1: Ông D1 yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại với số tiền là 50.000.000 đồng. Xét yêu cầu của ông D1 là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị buộc bị cáo T bồi thường cho ông D1 số tiền 50.000.000 đồng.

+ Đối với bị hại Nguyễn Hữu S: Ông S yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại với số tiền 145.000.000 đồng (trong đó, số tiền bị cáo T chiếm đoạt của ông S là 90.000.000 đồng; số tiền ông S bồi thường do cưa cây cao su của bà Nguyễn Thị Thúy P là 55.000.000 đồng). Xét yêu cầu của ông S là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị buộc bị cáo T bồi thường cho ông S số tiền 145.000.000 đồng.

+ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị Thúy P: Bà P đã được ông Nguyễn Hữu S bồi thường thiệt hại do cưa cây cao su bị cưa. Bà P không có yêu cầu khác nên không xem xét giải quyết.

Đối với hành vi của người phụ nữ tên N2 cùng bị cáo Trần Thanh T dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của ông D1 và ông S. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, đối tượng N2 đã bỏ trốn. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng không xác minh được nhân thân lai lịch của đối tượng N2. Vì vậy, khi nào xác định được nhân thân lai lịch của đối tượng N2 sẽ xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thanh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng số 107/CT-VKS.HS ngày 25/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại D1 số tiền 50.000.000 đồng và đồng ý bồi thường cho bị hại S số tiền 145.000.000 đồng. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về chăm sóc gia đình.

Tại phiên tòa: Bị hại ông D1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị hại ông S yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 145.000.000 đồng (trong đó, số tiền bị cáo T chiếm đoạt của ông S là 90.000.000 đồng; số tiền ông S bồi thường do cưa cây cao su của bà Nguyễn Thị Thúy P là

55.000.000 đồng) và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người làm chứng ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông Đ làm nghề “cò” giới thiệu mua bán cây cao su. Khoảng tháng 4/2021 bị cáo T tự nhận mình là chủ vườn cây và có liên lạc với ông Đ để ông giới thiệu người khác mua cây cao su thanh lý. Sau đó ông Đ giới thiệu cho ông Nguyễn Phương D1 gặp bị cáo T để bị cáo dẫn đi xem vườn cây sao su khoảng 550 cây ở xã L1, huyện O mà bị cáo tự nhận mình là chủ. Ban đầu do bị cáo T bán giá cao nên ông D1 không mua. Đến cuối tháng 5/2021, sau khi ông D1 liên lạc để trả giá thì bị cáo T đồng ý bán vườn cây cao su trên với giá 230.000.000 đồng và hẹn gặp tại quán cà phê tại ấp I, xã R, huyện O, tỉnh Bình Dương để làm hợp đồng đặt cọc mua bán cây cao su thanh lý. Trưa ngày 29/5/2021 bị cáo T có đi cùng người phụ nữ hơn 40 tuổi không rõ tên để gặp ông Đ và ông D1 tại điểm hẹn để lập hợp đồng mua bán cây su thanh lý, ông D1 có đặt cọc cho bị cáo T số tiền 50.000.000 đồng bằng cách chuyển khoản, còn số tiền còn lại 180.000.000 đồng khi nào ông D1 đưa cây cao su sẽ đưa đủ. Ông Đ có ký tên vào hợp đồng đặt cọc mua bán cây cao su với tư cách người làm chứng. Sau khi ký hợp đồng thì tất cả đi về. Đến tháng 6/2021, ông Đ nghe tin bị cáo T không phải chủ vườn cây cao su đã bán cho ông D1 và bị cáo T đã bị Công an huyện Dầu Tiếng bắt để điều tra.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Thúy P trình bày: Bà đã được bồi thường số cây cao su bị thiệt hại và không có yêu cầu gì thêm.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị B1 trình bày: Bà không bị thiệt hại gì và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Huỳnh Tuấn K1 trình bày: Vào năm 2021 ông K1 đã bán xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: VISION, màu sơn: Trắng – Đen, biển số: 61K1-214.57 cho bị cáo với số tiền 25.000.000 đồng và không có yêu cầu gì trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Bằng thủ đoạn gian dối lừa bán cây cao su, ngày 29/5/2021, tại ấp I, xã R, huyện O, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Thanh T đã chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Phương D1 số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 16/6/2021, tại tại ấp X1, xã X2, huyện O, tỉnh Bình Dương, với thủ đoạn như trên, bị cáo Trần Thanh T đã chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Hữu S số tiền 90.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo Trần Thanh T chiếm đoạt là 140.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 107/CT-VKS.HS ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm bị cáo T thực hiện là nghiêm trọng do có mức cao nhất khung hình phạt đến 07 năm tù, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Tội phạm do bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, về nhận thức bị cáo biết việc dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Chỉ do động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân nhưng lười lao động, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Để góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự, giữ gìn nếp sống văn minh của địa phương, Hội đồng xét xử xem xét quyết định áp dụng mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo có trình độ học vấn thấp. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[7] Bị cáo phải chấp hành mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[8.1] Đối với xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: VISION, màu sơn: Trắng – Đen, biển số: 61K1-214.57, số máy: JF86E2018961, số khung: 5837JY018920 do Huỳnh Tuấn K1 đứng tên đăng ký xe và giấy chứng nhận

đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 61K1-214.57 mang tên Huỳnh Tuấn K1 do Công an huyện X cấp ngày 08/7/2020. Quá trình điều tra xác định ông K1 đã bán xe mô tô trên cho bị cáo T với giá 25.000.000 đồng. Xét thấy, tài sản trên do bị cáo sử dụng nguồn tiền từ việc bị cáo lừa đảo tiền của bị hại để mua nhưng bị cáo chưa bồi thường cho bị hại và cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành. Vì vậy, tịch thu để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8.2] Đối với điện thoại NOKIA, màu đen, số Imei: 352115450100037, đây là phương tiện được bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội. Vì vậy, tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[9] Trách nhiệm dân sự:

[9.1] Bị hại Nguyễn Phương D1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 50.0000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9.2] Bị hại Nguyễn Hữu S yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 145.0000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9.3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Thúy P đã được bị hại Nguyễn Hữu S bồi thường thiệt hại do cây cao su bị cưa. Bà P không có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9.4] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị B1 trình bày không bị thiệt hại và không có yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt và điều luật áp dụng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Án phí hình sự và dân sự: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với đối tượng tên N2, do không xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa điều tra làm rõ nên chưa đủ cơ sở xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 1 Điều 46; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về trách nhiệm hình sự:* Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2021.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

+ Tịch thu để đảm bảo việc thi hành án 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: VISION, màu sơn: Trắng – Đen, biển số: 61K1-214.57, số máy: JF86E2018961, số khung: 5837JY018920 (tình trạng vật chứng tại thời điểm giao nhận: đã cũ, không có gương chiếu hậu bên phải, có nhiều vết xước trên xe) và kèm theo 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 61K-214.57.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động NOKIA, màu đen, số Imei: 352115450100037.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/12/2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng và Công an huyện Dầu Tiếng).

3. Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Trần Thanh T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Phương D1 số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

+ Buộc bị cáo Trần Thanh T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Hữu S số tiền 145.000.000 (một trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án phí:

+ Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thanh T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thanh T phải chịu 9.750.000 (chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/02/2022).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- CCTHA H. Dầu Tiếng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Văn Quang Bảo****Bản án có hiệu lực**